

Số: 2003/2026/QĐ-TL

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Về việc: Công bố công khai năng
lực về hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty Cổ phần tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long;

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực

Công ty Cổ phần tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số 0101614990 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 23/02/2005, lần 4 ngày 20 tháng 12 năm 2016.

Mã số thuế: 0101614990

Địa chỉ: Số 36A ngõ 7, phố Đông Ngạc, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0913536564 – Web: www.thinghiemthanhlong.vn - Email: phongthinghiemlasxd363@gmail.com

2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình

Địa chỉ: Số 36A ngõ 7, phố Đông Ngạc, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0979507066 – Web: www.thinghiemthanhlong.vn - Email: phongthinghiemlasxd363@gmail.com

3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường

Trạm thí nghiệm hiện trường

Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hoà Bình – Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

Gói thầu số 27 - Xây lắp công trình Km63+500-Km74+500

Địa chỉ: Bản Chiềng Khoa, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La.

Điện thoại: 0979507066 – Web: www.thinghiemthanhlong.vn - Email: phongthinghiemlasxd363@gmail.com

- a. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*)
- b. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*)
- c. Danh mục thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*)
- d. Tất cả các nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: www.thinghiemthanhlong.vn/congbonangluc

Công ty cổ phần tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN THÍ NGHIỆM
VÀ XÂY DỰNG THANH LONG**

Nơi nhận:

- Web: www.thinghiemthanhlong.vn
- Sở xây dựng tỉnh Sơn La
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Linh

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG
 ƯNG ĐỂ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**
 (Kèm theo quyết định số 2003/2026/QĐ-TL, ngày 20/3/2026 của Công ty CP tư vấn thí nghiệm và
 xây dựng Thanh Long)

I THỬ NGHIỆM CƠ LÝ KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; ASTM A370, B557; AASHTO T68
2	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370; JIS Z2248
3	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010; AWS D1.1; EN 12814:Part 1
4	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010 ; TCVN 8310:2010 ; EN 12814 : Part 2; JIS Z3121
5	Thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997;
6	Ống thép – thử kéo	TCVN 314:2008; ASTM A370
7	Ống thép – thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; TCVN 9245:2024; ASTM A370
8	Kiểm tra lưới thép hàn: Thử kéo; thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 9391 :2012; TCVN 6287 :1997; TCVN 197-1:2014; ISO 10665:1990; ISO 6892-1:2009; ASTM A975; EN 10223;
II ĐẤT TRONG PHÒNG, CÁT, CPDD		
9	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 ; ASTM D854; AASHTO T100
10	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216, D4959, D4643; AASHTO T265; JIS A1203
11	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ; ASTM D4318 ; AASHTO T89, T90; JIS A1205;
12	Phân tích thành phần hạt	TCVN 4198:2014 ; ASTM D1140, D422 ; D2487 ; C136 ; AASHTO T88 ; T27 ; T11; JIS A1204
13	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:06 ; ASTM D1557, D698; AASHTO T180, T99 ; BS 1377- Part 4; JIS A1210
14	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ; ASTM D7263; D2937; AASHTO T191
15	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-2006 ;TCVN 12792 :2020; ASTM D1883; AASHTO T193 ; JIS A1211
III THỬ NGHIỆM CƠ LÝ DUNG DỊCH BENTONITE		
16	Xác định khối lượng riêng; độ nhớt; độ PH; hàm lượng cát;	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; ASTM D4380, D6910, D4381, D5891; D4972;
IV HIỆN TRƯỜNG		
17	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020; AASHTO T204;
18	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 ;-ASTM D1556; AASHTO T191
19	Xác định khối lượng thể tích đất hiện trường bằng PP đổ nước hố đào và PP cát thay thế	ASTM D5030; ASTM D4914

20	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760
21	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945
V	XI MĂNG	
22	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188, C204 ; AASHTO T133, T153, T192; BS EN 196-6; JIS R5201
23	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348, C349; AASHTO T106; BS EN 196-1; JIS R5201
24	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 10653:2015 ; ASTM C191, C187 ; C807 ; AASHTO T131, T129; BS EN 196-3; JIS R5201
VI	CÓT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
25	Phân tích thành phần hạt, modun	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM C136 ; AASHTO T27; BS EN 933-1 ; JIS A1102; BS 812 Part 103.1
26	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C127, C128 ; AASHTO T84,T85 ; BS EN 1097-6,7; JIS A1109, A1110, A1111
27	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85; BS EN 1097-6,7 ;JIS A1110
28	Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; BS EN 1097-3,4; JIS A1104
29	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255; BS EN 1097-5; JIS A1125
30	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142, C117; AASHTO T11, T112; BS EN 933-1; JIS A1103, A1137
31	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006; ASTM C40; AASHTO T21; JIS A1105, A1142
32	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-10:2006;
33	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-11:2006; ASTM D2938; C170; JIS M0302
34	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131,C535; AASHTO T96; JIS A1121
35	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ; ASTM D4791; EN 933-3
36	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:2006; ASTM C142; AASHTO T112; JIS A1126
37	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06; ASTM D5821
38	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
39	Xác định giá trị cát tương đương của đất và cốt liệu mịn (Hệ số SE)	ASTM D2419; AASHTO T176; BS EN 933 - 8
40	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C123; AASHTO T113 ;
41	Xác định hàm lượng hạt mịn hơn 0,075mm	ASTM C117; AASHTO T11; JIS A1103

42	Xác định độ bền của cốt liệu bằng phương pháp sử dụng dung dịch Na ₂ SO ₄ hoặc MgSO ₄	ASSHTO T104:03
43	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304
44	Độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:17; AASHTO T326
VII	BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
45	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119; BS EN 12350-2; JIS A1101
46	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; BS EN 12350-6
47	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158; BS EN 12350-4, EN 480-4; JIS A1123
48	Phương pháp xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111:2022; ASTM C173, C231; AASHTO T152; BS EN 12350-7; JIS A1128
49	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 3112:2022 ; TCVN 3113:2022 ; TCVN 3115:2022; ASTM C642; BS EN 12390-7
50	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140; BS EN 12390-3, 12504-1; JIS A1108, A1107; AS 1012.9
51	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; AASHTO T97, T177; BS EN 12390-5; JIS A1106, JIS A1114
52	Xác định độ chảy xê của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611; BS EN 12350-5; JIS A1150
53	Xác định cường độ chịu kéo khi bừa	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198; BS EN 12390-6; JIS A1113
54	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp Bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1064; AASHTO T309
VIII	VỮA XÂY DỰNG	
55	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
56	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
57	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109, C349, C942
58	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
59	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy của vữa; độ tách nước; cường độ nén	TCVN 9204-2012; ASTM C827, C1090; JIS R5201
60	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan tỏa, độ tách nước, thay đổi thể tích trong quá trình đông kết, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018; BS EN 447-2007

Hết

DANH MỤC THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo quyết định số 2003/2026/QĐ-TL, ngày 20/3/2026 của Công ty CP tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long)

STT	Loại thiết bị	Nơi sản xuất	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
I	THÍ NGHIỆM XI MĂNG					
1	Dụng cụ kim VIKA	Việt Nam	Bộ	1	Tốt	
2	Chảo + bay tiêu chuẩn	Việt Nam	Bộ	1	Tốt	
3	Khuôn xi măng 40x40x160mm	Việt Nam	Bộ	9	Tốt	
4	Phễu đo độ linh động của vữa	Việt Nam	Cái	1	Tốt	
5	Sàng 0,045mm	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
6	Cát tiêu chuẩn	Việt Nam	Gói	20	Tốt	
7	Máy trộn vữa xi măng	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
8	Bàn dằn vữa	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
II	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG, VỮA					
1	Máy nén bê tông 2000 KN (Điện tử)	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
2	Khuôn bê tông 15x30cm	Việt Nam	Cái	18	Tốt	
3	Bộ thử độ sụt và các thiết bị kèm theo	Việt Nam	Bộ	1	Tốt	
4	Bộ gối nén vữa, xi măng	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
III	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG					
1	Cối sứ đường kính 157mm, chày giã	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
2	Bộ thiết bị thí nghiệm dung trọng riêng cho các loại, bao gồm các dụng cụ thủy tinh	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
3	Bộ các dụng cụ thí nghiệm hàm lượng tạp chất hữu cơ	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
4	Bộ thí nghiệm dung trọng riêng và độ hút nước của cốt liệu	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
5	Thùng đong 10 lít, 5lit, 2lit	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
IV	THÍ NGHIỆM THÉP					
1	Máy thử độ bền kéo nén uốn 100T (UTM-100)	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
2	Máy cắt thép	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
3	Bộ gối uốn	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
4	Thước	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	

STT	Loại thiết bị	Nơi sản xuất	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
V	THÍ NGHIỆM CÁT, ĐẤT, CPDD					
1	Máy nén CBR	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
2	Khuôn CBR (gồm phần mở rộng và giá ba chân)	Việt Nam	Cái	18	Tốt	
3	Đồng hồ đo trương nở	Trung Quốc	Cái	18	Tốt	
4	Dao thép cắt đất	Việt Nam	Cái	1	Tốt	
5	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	Việt Nam	Bộ	1	Tốt	
6	Máy đầm Proctoc tiêu chuẩn + cải tiến (ZJ-2D)	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
7	Cối Proctoc tiêu chuẩn + cải tiến	Việt Nam	Cái	1	Tốt	
8	Bộ thí nghiệm độ chặt hiện trường rót cát	Việt Nam	Bộ	3	Tốt	
VI	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA					
1	Máy ép Masshall	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
2	Máy chiết Nhựa	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
3	Máy khoan BTN	Honda	Cái	1	Tốt	
4	Mũi khoan	Trung Quốc	Cái	3	Tốt	
5	Bộ giã nhựa	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
6	Khuôn mẫu (Đế + nở rộng)	Trung Quốc	Cái	20	Tốt	
7	Bộ thí nghiệm kim lún	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
8	Bộ thí nghiệm hóa mềm	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
9	Bình hút chân không	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
10	Kích đèn mẫu	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
11	Bình ổn nhiệt	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
12	Bàn cân thủy tĩnh	Việt Nam	Cái	1	Tốt	
13	Lò Nung	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
14	Thước 3m	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
15	Bộ Rắc Cát	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
VI	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG					
1	Bộ sàng BS 300mm	Việt Nam	Bộ	1	Tốt	
2	Sàng rửa	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	

STT	Loại thiết bị	Nơi sản xuất	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
3	Tủ sấy	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
4	Cân điện tử (5Kg) d 0,01g	Mỹ	Cái	1	Tốt	
5	Cân điện tử hiện trường (15Kg)	Trung Quốc	Cái	2	Tốt	
6	Khay nhôm 24x40cm	Việt Nam	Cái	5	Tốt	
7	Thước kẹp 300mm	Trung Quốc	Cái	1	Tốt	
8	Búa cao su	Việt Nam	Cái	1	Tốt	
9	Xẻng, muôi, chổi sơn, búa sắt, bay...vv...	Việt Nam	Cái	1	Tốt	
10	Bình thót cổ 1000ml	Trung Quốc	Cái	2	Tốt	
11	Khay sấy vật liệu 40x40x7,5mm	Việt Nam	Cái	3	Tốt	
12	Ống đong 250ml, 500ml, 1000ml	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
13	Bộ xác định khối lượng thể tích xốp	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
14	Bộ thí nghiệm Ben tu nai	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	
15	Máy thử mài mòn Los Angeles	Trung Quốc	Bộ	1	Tốt	

Hết

DANH SÁCH NHÂN SỰ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(Kèm theo quyết định số 2003/2026/QĐ-TL, ngày 20/3/2026 của Công ty CP tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long)

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Thâm niên công tác
1	2	3	4	5
1	Vũ Đức Hiếu	Kỹ sư mỏ địa chất Chứng chỉ QL PTN Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông	Trạm trưởng	09 năm
2	Hà Phi Trường	Cao đẳng XD – Khoa thí nghiệm công trình	Trạm phó Các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	16 năm
3	Hà Đại Phóng	Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông	Các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	23 năm
4	Phạm Quốc Lập	Kỹ sư mỏ địa chất Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông Chứng chỉ TNV không phá hủy	Thí nghiệm bê tông và vật liệu xây dựng, các tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn	06 năm
5	Đỗ Văn Linh	Cao đẳng XD – Khoa thí nghiệm công trình	Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	15 năm
6	Hoàng Văn Sơn	Chứng chỉ sơ cấp nghề TNV giao thông	Xử lý số liệu; Thí nghiệm VLXD trong phòng và hiện trường, thử nghiệm không phá hủy	28 năm
7	Phạm Quang Hiếu	Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông	Xử lý số liệu; Các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	3 năm
8	Phan Văn Ngải	Chứng chỉ sơ cấp nghề TNV giao thông	Xử lý số liệu; Các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	29 năm

Hết